

Số: /2025/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-TTCT ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thực hiện một số quy định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ liên quan đến chính quyền địa phương 02 cấp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 690/TTr-SNV ngày 17 tháng 7 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực

hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thanh tra tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Thanh tra, Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, cụ thể:

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thanh tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành Thanh tra; chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ban hành các văn bản về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo thẩm quyền.

4. Tổ chức thực hiện và hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch và các văn bản khác về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

5. Về thanh tra:

a) Xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra, lấy ý kiến Thanh tra Chính phủ, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về chủ trương, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra;

b) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở và cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân

dân cấp xã; cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc các sở và thuộc cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở;

d) Thanh tra việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của nhà nước tại doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu, trừ trường hợp Thanh tra Chính phủ tiến hành thanh tra;

đ) Thanh tra đối với vụ việc thuộc thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật;

e) Thanh tra vụ việc khác khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

g) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh, quyết định xử lý về thanh tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh;

h) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức Thanh tra tỉnh;

i) Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra.

6. Về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Tổ chức tiếp công dân; tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các sở; các cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định;

c) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức;

d) Xác minh, báo cáo kết quả xác minh và kiến nghị biện pháp giải quyết khiếu nại, xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được giao;

đ) Xem xét việc giải quyết tố cáo mà Giám đốc sở; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết lại theo quy định;

e) Thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo của giám đốc các sở; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đúng quy định của pháp luật;

g) Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định;

h) Cập nhật thông tin giải quyết khiếu nại, tố cáo trên cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

7. Về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực:

a) Tổ chức, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo thẩm quyền hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền;

b) Thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền hoặc khi được giao;

c) Thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại các sở; các cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực; đôn đốc việc xử lý người có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật;

đ) Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền; quản lý, khai thác, bảo vệ Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản thu nhập;

e) Theo dõi, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Phối hợp với Kiểm toán nhà nước, Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Ban Nội chính Tỉnh ủy và các cơ quan trong khối Nội chính cung cấp, trao đổi thông tin, tài liệu, kinh nghiệm về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tổng hợp, đánh giá, dự báo tình hình tham nhũng, tiêu cực và kiến nghị các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

h) Thanh tra, kiểm tra nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi lạm quyền, những thiếu sót và các hành vi khác vi phạm pháp luật trong hoạt động chống tham nhũng của Thanh tra tỉnh.

8. Yêu cầu các sở; các cơ quan, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tình hình, kết quả công tác, tổng kết kinh nghiệm về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra Chính phủ.

10. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

11. Thực hiện cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của tỉnh, của ngành và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và quản lý dữ liệu chuyên ngành phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh.

13. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng, các phòng nghiệp vụ thuộc Thanh tra tỉnh; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, công chức, người lao động; thực hiện các chế độ tiền lương và các chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

14. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có quyền đề nghị Giám đốc sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cử công chức có chuyên môn phù hợp tham gia.

16. Tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Thanh tra Chính phủ.

17. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền, phân định thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy

1. Lãnh đạo Thanh tra tỉnh:

Thanh tra tỉnh có Chánh Thanh tra tỉnh và các Phó Chánh Thanh tra tỉnh; số lượng Phó Chánh Thanh tra tỉnh thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Chánh Thanh tra tỉnh là người đứng đầu cơ quan Thanh tra tỉnh, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước

pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh. Chánh Thanh tra tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, biệt phái sau khi có ý kiến bằng văn bản của Tổng Thanh tra Chính phủ;

b) Phó Chánh Thanh tra tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh, giúp Chánh Thanh tra tỉnh thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Chánh Thanh tra tỉnh phân công và chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra tỉnh và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Thanh tra tỉnh vắng mặt, một Phó Chánh Thanh tra tỉnh được Chánh Thanh tra tỉnh ủy quyền thay Chánh Thanh tra tỉnh điều hành các hoạt động của Thanh tra tỉnh. Phó Chánh Thanh tra tỉnh không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Thanh tra tỉnh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Các phòng và tương đương:

- a) Phòng nghiệp vụ 1;
- b) Phòng nghiệp vụ 2;
- c) Phòng nghiệp vụ 3;
- d) Phòng nghiệp vụ 4;
- đ) Phòng nghiệp vụ 5;
- e) Phòng nghiệp vụ 6;
- g) Phòng nghiệp vụ 7;
- k) Phòng nghiệp vụ 8;
- i) Phòng nghiệp vụ 9;
- k) Văn phòng.

Văn phòng có Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng; Phòng có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng; số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Thanh tra tỉnh thực hiện theo quy định.

Chánh Thanh tra tỉnh bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với cấp Trưởng và cấp Phó các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc theo quy định và phân cấp quản lý cán bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Biên chế:

Biên chế công chức của Thanh tra tỉnh được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, khối lượng công việc và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt hằng năm.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành; bãi bỏ Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Thanh tra tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hóa;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa;
- Trung tâm Công báo, Website tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT, TDNC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn